Trường Đại học Cần Thơ

Khoa : KT & QTKD

DANH SÁCH PHÒNG THI

HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2008

Môn học KINH TE VI MO 2 (KT301) **- Nhóm** 02 **- Số tín chỉ** 3

Cán bộ giảng dạy: **LÊ KHƯƠNG NINH**

Ngày thi:

Phòng thi :

STT	MSSV	Họ và tên	Chữ ký	Số tờ	Điểm KT	Điểm thi	Điểm tổng	Ghi chú
1	4066095	PHAN QUANG AI			2	4.5	6.5	KT0688A1
2	4066112	NGUYEN THI DONG			0.5	5	5.5	KT0688A1
3	4066116	DINH THI NGOC HA			v	2.5	2.5	KT0688A1
4	4066123	NGUYEN PHAT HUNG			1.5	6	7.5	KT0688A1
5	4066124	LE THI HUONG			1	3	4	KT0688A1
6	4066127	NGUYEN MACH TUAN LAP			v	v	v	KT0688A1
7	4066134	TRAN THI HIEU NGHIA			1	5.5	6.5	KT0688A1
8	4066142	VO THI HONG NHUNG			1	2.5	3.5	KT0688A1
9	4066150	HUYNH THI TU QUYEN			1.5	2.5	4	KT0688A1
10	4066162	LE THI ANH THU			2.5	4	6.5	KT0688A1
11	4066164	NGUYEN THI KIEU TRANG			1.5	3	4.5	KT0688A1
12	4066165	PHAM THI HUYEN TRANG			2.5	5.5	8	KT0688A1
13	4066167	HO THUY TRAM			v	3.5	3.5	KT0688A1
14	4066189	VO TAN DU			v	v	v	KT0688A2
15	4066190	NGUYEN VIET DUNG			1.5	5.5	7	KT0688A2
16	4066192	NGUYEN THI TRUC DAO			v	v	v	KT0688A2
17	4066216	NGUYEN HONG NGHI			1.5	5.5	7	KT0688A2
18	4066226	LE THI NHU			1	3	4	KT0688A2
19	4073498	NGUYEN CHI CONG			1	4.5	5.5	KT0788A1
20	4073502	DOAN VIET HA			1.5	4	5.5	KT0788A1
21	4073525	HUYNH VU PHUONG			3	2.5	5.5	KT0788A1
22	4073526	TRAN THI BICH PHUONG			1.5	3	4.5	KT0788A1
23	4073527	HO NGOC QUYEN			1	4	5	KT0788A1
24	4073531	TRUONG HONG THANH			1	2.5	3.5	KT0788A1
25	4073537	TRAN THI ANH THU			1.5	4	5.5	KT0788A1
26	4073541	PHAN TO TRINH			0.5	4	4.5	KT0788A1
27	4073570	NGUYEN THI KIM NGAN			1	4.5	5.5	KT0788A2
28	4073571	NGUYEN TRAN THUY NGOC			2	4.5	6.5	KT0788A2
29	4073579	LE THI YEN PHUONG			0.5	V	**0.5**	KT0788A2
30	4073583	PHAM MINH TAM			1	4.5	5.5	KT0788A2
31	4073584	TO QUOC THAI			v	5.5	5.5	KT0788A2
32	4073589	NGUYEN HOANG THUAN			2.5	4.5	7	KT0788A2
33	4073598	QUACH DUONG TU			3	4.5	7.5	KT0788A2
34	4073599	NGUYEN LE VAN			1	4	5	KT0788A2

Số SV dự thi :

Vắng mặt :

Ngày tháng năm

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi thứ 1

Cán bộ chấm thi thứ 2